

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2020/HNGĐ-ST

Ngày 01/10/2020

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Sửu - Cán bộ hưu.

Bà Nguyễn Thị Bích - Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 01/10/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 65/2020/TLST-HNGĐ ngày 07/5/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/9/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Đào Thị H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: thôn BA, xã TP, huyện YD, tỉnh BG.

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt)

*** Bị đơn:** Anh Lê Quang T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: thôn VT, xã ĐP, huyện YD, tỉnh BG.

Hiện đang lao động ở nước ngoài không rõ địa chỉ.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Đào Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Lê Quang T ngày 15/01/2010 trên cơ sở có tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐP, huyện YD. Sau khi kết hôn vợ chồng chị cùng đi làm công nhân tại khu công nghiệp Song Khê-Nội Hoàng nên thuê nhà ở tại xã Tiên Phong cho gần, tiện việc đi làm. Gần một năm sau thì vợ chồng chị chuyển về sống cùng gia đình chồng. Chung sống được hơn một năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách không hòa hợp, không hiểu và thông cảm cho nhau. Một mặt do anh T đi nước ngoài làm ăn vợ chồng không có sự gần gũi quan tâm nhau nên tình cảm ngày càng xa cách. Tình trạng mâu thuẫn căng thẳng, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2013 cho đến nay. Hai bên gia đình có hòa giải, động viên nhưng vợ chồng không khắc phục được. Quá trình chung sống anh T đã 3 lần đi nước ngoài làm ăn. Hiện anh T đang ở nước ngoài nhưng địa chỉ cụ thể thì chị không biết, anh T vẫn liên lạc với gia đình nhà chồng nhưng không cho chị địa chỉ. Nay xác định tình cảm vợ chồng không hàn gắn, chung sống được nữa, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy chị xin được ly hôn anh T. Trường hợp anh T không đồng ý ly hôn thì đây là quyền của anh ấy nhưng chị không thể đoàn tụ chung sống tiếp với anh T được. Mong Tòa án xem xét yêu cầu của chị.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 1 con chung là Lê Quang Quốc A, sinh ngày 03/3/2011, hiện cháu đang ở với ông bà nội và học tại Trường tiểu học ĐP. Khi vợ chồng mâu thuẫn chị phải về nhà bố mẹ đẻ thì anh T và bố mẹ chồng không cho chị đón con đi. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung. Chị có biết nguyện vọng của cháu muốn ở với bố và ông bà nội nhưng chị không đồng ý, vì bố mẹ chồng cũng đã già gần 70 tuổi, anh T lại không có mặt tại gia đình nên không trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung được. Việc cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị Tòa án giao con chung cho chị nuôi dưỡng, còn quá trình thi hành căn cứ nguyện vọng của con và tình hình thực tế vợ chồng chị sẽ có sự thỏa thuận cho phù hợp với quyền lợi của con chung.

- Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ngày 07/6/2011 vợ chồng chị có mua một mảnh đất 159m² tại khu vực ĐS, xã TP, huyện Yên Dũng của bố mẹ đẻ chị với giá tiền 100 triệu đồng, khi mua chỉ có giấy chuyển nhượng viết tay với nhau, chưa làm thủ tục sang tên, chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chị đã trả tiền cho bố mẹ, khi đó có thỏa thuận là bố mẹ vừa bán vừa cho nên mới có giá đó, vợ chồng chị không được bán đất cho người khác. Nếu vợ chồng chị không có nhu cầu cùng sử dụng đất thì bố mẹ chị sẽ lấy lại đất và trả lại 100 triệu

đồng cho vợ chồng chị. Khi bán đất thì bố mẹ chị cũng chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước mắt chị không yêu cầu giải quyết về lô đất này, sau này anh T về nước cần giải quyết thì anh chị sẽ thỏa thuận với nhau hoặc đề nghị Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Hiện nay chiếc xe máy Wave đăng ký tên chị thì bố chồng là Lê Văn T1 đang quản lý sử dụng, giấy tờ đăng ký xe chị quản lý. Chị sẽ trao đổi thỏa thuận với bố chồng về chiếc xe máy này, cần thiết chị đưa giấy tờ xe cho ông T1 sử dụng. Vì vậy chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các khoản nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công sức đóng góp cho gia đình hai bên: Chị xác định vợ chồng không có công sức đóng góp nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn là anh Lê Quang T hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh Lê Quang T.

* Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua bố đẻ anh T là ông Lê Quang T1- sinh năm 1954. Địa chỉ: thôn VT, xã ĐP, huyện YD, tỉnh BG. Ông T1 có quan điểm trình bày như sau:

- Tôi là bố đẻ của anh Lê Quang T có địa chỉ như trên. Hiện nay con tôi đang đi lao động tại Trung Quốc không có mặt ở tại địa phương nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình.

- Về địa chỉ của con tôi ở bên nước ngoài thì tôi không biết nên không cung cấp cho Tòa án được. Tòa án yêu cầu gia đình tôi thông báo để anh T gửi quan điểm về cho Tòa án thì chúng tôi từ chối thực hiện.

- Về việc chị H xin ly hôn con tôi thì con tôi có quan điểm trao đổi về với gia đình là:

+ Về quan hệ hôn nhân: Con tôi T không đồng ý ly hôn với chị Đào Thị H.

+ Về con chung: Có 01 con chung là cháu Lê Quang Quốc A – sinh ngày 03/3/2011. Hiện nay cháu Anh đang ở với gia đình tôi. Con tôi không đồng ý ly hôn nên con tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T và chị H có 01 mảnh đất và 01 xe máy Honda hiện nay tôi đang sử dụng nhưng đăng ký xe máy do chị H cầm. Con tôi đề nghị chia các tài sản chung này, các tài liệu chứng cứ chứng minh tài sản chung về việc mua bán đất thì tôi đang cầm.

- Tại buổi làm việc trước Tòa án thông báo cho gia đình tôi và anh T gửi quan điểm về cho Tòa án thì hiện nay anh T không gửi giấy tờ gì cho tôi. Vì con tôi không

đồng ý ly hôn nên không gửi giấy tờ gì về.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, Đào Thị H xin vắng mặt, không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Anh Lê Quang T vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56-Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho Đào Thị H được ly hôn anh Lê Quang T. Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Lê Quang Quốc A – sinh ngày 03/3/2011. Mặc dù hiện nay cháu Anh đang ở với ông bà nội và học tại trường tiểu học xã Đồng Phúc, huyện Yên Dũng. Cháu có nguyện vọng được ở với bố. Nhưng hiện nay anh T đang ở nước ngoài, việc chị H đề nghị được nuôi con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng là có cơ sở để được chấp nhận. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung là cháu Lê Quang Quốc A – sinh ngày 03/3/2011 cho Đào Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về án phí: căn cứ khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc Đào Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đào Thị H là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết nuôi con chung đối với anh Lê Quang T. Bị đơn anh Lê Quang T là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại thôn VT, xã ĐP, huyện YD, tỉnh BG nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 4432/QLXNC-P5 ngày 27/3/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì anh Lê Quang T đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 08/4/2015, chưa thấy thông tin

nhập cảnh về Việt Nam; không có thông tin địa chỉ nước đến, địa chỉ ở nước ngoài của anh T. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án được TAND huyện YD thụ lý số 14/2020/TLST-HNGĐ ngày 16/01/2020 sau đó có Quyết định chuyển vụ án số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23/4/2020 đến TAND tỉnh giải quyết theo thẩm quyền là có căn cứ.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa Đào Thị H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Lê Quang T vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ thì đây được coi là trường hợp anh Lê Quang T cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Lê Quang T theo quy định tại khoản 5, Điều 177; Điều 179 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Đào Thị H, anh Lê Quang T.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

[3.1]. Chị Đào Thị H kết hôn với anh Lê Quang T trên cơ sở có sự tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 01/01/2010 trên cơ sở có tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện YD. Sau khi kết hôn anh chị đi làm công nhân tại khu công nghiệp Song Khê-Nội Hoàng nên thuê nhà ở tại xã Tiên Phong cho gần, tiện việc đi làm. Gần một năm sau thì anh chị chuyển về sống cùng gia đình chồng. Chung sống được hơn một năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách không hòa hợp, không hiểu và thông cảm cho nhau. Một mặt do anh T đi nước ngoài làm ăn vợ chồng không có sự gần gũi quan tâm nhau nên tình cảm ngày càng xa cách. Tình trạng mâu thuẫn căng thẳng, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2013 cho đến nay. Hai bên gia đình có hòa giải, động viên nhưng vợ chồng không khắc phục được. Nay xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị Đào Thị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Quang T. Thông qua người thân (là bố đẻ) anh Lê Quang T có quan điểm không đồng ý ly hôn với chị Đào Thị H.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đào Thị H và anh Lê Quang T là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay chị Đào Thị H và anh Lê Quang T mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn và ly thân từ năm 2013 đến nay. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng Đào Thị H và anh Lê Quang T đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đào Thị H và anh Lê Quang T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho Đào Thị H được ly hôn anh Lê Quang T.

[4]. Về con chung:

[4.1]. Chị Đào Thị H và anh Lê Quang T có 01 con chung là Lê Quang Quốc A, sinh ngày 03/3/2011. Hiện nay con chung của anh chị đang ở với ông bà nội và học tại Trường tiểu học xã Đồng Phúc. Khi ly hôn chị Đào Thị H có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[4.2]. HĐXX thấy: Nguyện vọng của con chung là muốn được ở với bố nhưng tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án anh T không có mặt ở tại địa phương, không có địa chỉ cụ thể nên không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung được. Con chung chưa thành niên nên cần có bố, mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Đào Thị H có đủ điều kiện để nuôi con chung. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho chị Đào Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lê Quang Quốc A, sinh ngày 03/3/2011. Anh Lê Quang T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Đào Thị H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp anh Lê Quang T về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): chị H không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Sau này có tranh chấp các bên có quyền đề nghị giải quyết bằng vụ án khác.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Đào Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; điểm b, khoản 1, Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị H được ly hôn anh Lê Quang T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Quang Quốc A, sinh ngày 03/3/2011 cho chị Đào Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Lê Quang T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Đào Thị H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp anh Lê Quang T về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Đào Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0004179 ngày 16/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện YD, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Đào Thị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

- Anh Lê Quang T hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị Đào Thị H cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã Đ, huyện YD.
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Ong Thân Thắng